



NỘI DUNG CẤU TRÚC, MA TRẬN
ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3
CUỐI HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2016 - 2017

I. NỘI DUNG MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 HỌC KÌ I

Kiến thức HK1 : Từ tuần 1 đến tuần 18

1. Kiến thức về Tiếng Việt, văn học

a. MRVT thuộc chủ đề: Quê hương, Từ địa phương, Các dân tộc, Thành thị - nông thôn

b. Ngữ pháp:

- Từ chỉ sự vật , hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất, từ trái nghĩa.
- Các kiểu câu đã học : Ai làm gì ? Ai là gì ? Ai thế nào ?
- Các kiểu so sánh (Tìm, đặt câu có hình ảnh so sánh....)

2. Đọc:

a. Đọc thành tiếng: đọc bài có độ dài khoảng 230 chữ, biết ngắt nghỉ hơi, biết đọc diễn cảm các bài tập đọc từ tuần 10 - tuần 16 và TLCH về nội dung, ý nghĩa của bài.

b. Đọc hiểu: đọc thầm và tìm hiểu nghĩa các từ, các chi tiết, nhân vật, nội dung, ý nghĩa của câu chuyện, bước đầu biết liên hệ, vận dụng vào thực tế.

3. Viết:

a. Chính tả:

- Nghe viết một bài chính tả dài khoảng 60 chữ trong khoảng thời gian 15 phút, biết trình bày sạch đẹp, đúng quy định. Biết viết hoa danh từ riêng, chữ viết đều nét, thẳng hàng .

b. Tập làm văn:

- Viết đoạn văn ngắn nói về cảnh đẹp đất nước mà em đã được ngắm.
- Viết đoạn văn ngắn nói về tình cảm của người thân đối với em.
- Viết đoạn văn ngắn kể về các bạn trong tổ em.

Lưu ý : Đoạn văn viết từ 7 đến 9 câu trong đó ít nhất có một câu sử dụng hình ảnh so sánh.

II. MỨC ĐỘ NHẬN THỨC

- Hình thức TNKQ chiếm 50%; Tự luận chiếm 50% Được chia thành 4 mức độ sau:

+ **Mức 1:** (20%) **Nhận biết** nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học.

+ **Mức 2:** (40%) **Hiểu** KT, KN đã học, trình bày, giải thích được theo cách hiểu cá nhân.

+ **Mức 3:** (30%) **Biết vận dụng** kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập và cuộc sống

+ **Mức 4:** (10%) **Vận dụng** các kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra **phản hồi hợp lý** trong học tập, cuộc sống một cách **linh hoạt**.

- Thời gian thi : 50 phút

- Có phần kiểm tra sự phát triển phẩm chất, năng lực, KNS theo TT22.

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG VIỆT LỚP 3- HKI (2016- 2017)

Mạch KT, KN		Số câu và số điểm	Mức 1			Mức 2			Mức 3			Mức 4			Tổng			
			TNKQ	TL	TH	TNKQ	TL	TH	TNKQ	TL	TH	TNKQ	TL	TH	TNKQ	TL	TH	
1. Kiến thức Tiếng Việt	a. Từ	Câu số																
		Số điểm																
	b. Câu	Câu số			6			5,7				8		3	1			
		Số điểm			0,5			1				0,5		1,5	0,5			
2. Đọc	a. Đọc thành tiếng	Câu số																
		Số điểm			1			2			2			1				6
	b. Đọc hiểu	Câu số	1,2			4			3						6			
		Số điểm	1			0,5			0,5						2			
TỔNG		Câu số	2			2			3				1		7	1		
		Số điểm	1		1	1		2	1,5		2		0,5	1	3,5	0,5	6	
3. Viết	a. Chính tả	Câu số																
		Số điểm		1				2			2							
	b. TLV	Câu số																
		Số điểm		1				2			1			1				
TỔNG		Câu số																
		Số điểm		2				4			3			1			10	



Lớp: 3.....

Họ tên:

Thứ..... ngày tháng 12 năm 2016

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2016 - 2017

(Thời gian: 20 phút)

Đọc hiểu	Đọc thành tiếng	Lời nhận xét của giáo viên
	
Điểm chung:		



A. KIỂM TRA ĐỌC

I. **Đọc thành tiếng (6 điểm)**: GV kiểm tra đọc từng em.

II. **Đọc hiểu (4 điểm)**: Đọc thầm truyện sau:

KIẾN MẸ VÀ CÁC CON

Gia đình nhà Kiến rất đông. Kiến Mẹ có chín nghìn bảy trăm con. Tối nào Kiến Mẹ cũng tắt bật trong phòng ngủ của đàn con. Kiến Mẹ phải vỗ về và thơm yêu từng đứa con:

- Chúc con ngủ ngon! Mẹ yêu con.

Cứ như vậy cho đến lúc mặt trời mọc, lũ kiến con vẫn chưa được mẹ thơm hết lượt. Điều đó làm Kiến Mẹ không yên lòng. Và thế là suốt đêm, Kiến Mẹ không hề chớp mắt để hôn hết đàn con.

Vì thương Kiến Mẹ quá vất vả, bác Cú Mèo đã nghĩ ra một cách. Buổi tối, đến giờ đi ngủ, tắt cả lũ kiến con đều lên giường nằm trên những chiếc đệm xinh xinh. Kiến Mẹ đến thơm vào má chú kiến con nằm ở hàng đầu tiên. Sau khi được mẹ thơm, chú kiến này bèn quay sang thơm vào má kiến con bên cạnh và thầm thì:

- Mẹ gửi một cái hôn cho em đây!

Cứ thế, lần lượt các kiến con hôn truyền cho nhau và nhờ thế Kiến Mẹ có thể chớp mắt mà vẫn âu yếm được cả đàn con.

(Chuyện của mùa Hạ)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1: Kiến Mẹ có số con là:

A. Chín mươi bảy

B. Chín trăm bảy mươi

C. Chín nghìn bảy trăm

Câu 2: Buổi tối trong phòng ngủ Kiến Mẹ thường phải làm:

- A. Rửa mặt cho các con
- B. Vỗ về và thơm yêu các con**
- C. Đắp chăn cho các con

Câu 3: Kiến mẹ cả đêm không chợp mắt vì:

- A. Vì Kiến mẹ muốn ngắm các con ngủ ngon.
- B. Vì Kiến mẹ muốn hôn hết lượt từng đứa con.**
- C. Vì Kiến Mẹ muốn canh giấc cho đàn con ngủ.

Câu 4: Vì thương Kiến Mẹ, Bác Cú mèo đã nghĩ ra cách là:

- A. Kiến Mẹ thơm chú kiến con nằm ở hàng đầu tiên, các con hôn truyền nhau.**
- B. Kiến Mẹ thơm chú kiến con nằm ở cuối nói: “ Mẹ yêu tất cả các con!”
- C. Kiến Mẹ thơm hai chú kiến con nằm ở hàng đầu tiên và hàng cuối.

Câu 5: Câu “Lũ kiến con nằm trên những chiếc đệm xinh xinh.” thuộc kiểu câu :

- A. Ai là gì?
- B. Ai làm gì?**
- C. Ai thế nào?

Câu 6: Trong câu: “Vì thương Kiến Mẹ quá vất vả, bác Cú Mèo đã nghĩ ra một cách.” bộ phận trả lời câu hỏi “*Vì sao?*” là:

- A. Vì thương Kiến Mẹ quá vất vả**
- B. Bác Cú Mèo
- C. Đã nghĩ ra một cách

Câu 7: Trong câu: “Kiến Mẹ không hề chợp mắt để hôn hết đàn con.” bộ phận trả lời câu “*thế nào?*” là:

- A. Kiến Mẹ
- B. Không hề chợp mắt
- C. Không hề chợp mắt để hôn hết đàn con**

Câu 8: Hãy viết 1 câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh để nói về tình cảm của bố (mẹ) đối với em.

Ý KIẾN CỦA CMHS
(Kí và ghi rõ họ tên)

GV CHẤM LẦN 1
(Kí và ghi rõ họ tên)

GV CHẤM LẦN 2
(Kí và ghi rõ họ tên)



Thứ..... ngày tháng 12 năm 2016
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3
CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2016 - 2017
(Thời gian: 50 phút)

B. KIỂM TRA VIẾT

I. Chính tả (5 điểm – 20 phút)

GV đọc cho HS viết bài

KIẾN MẸ VÀ CÁC CON

... Vì thương Kiến Mẹ quá vất vả, bác Cú Mèo đã nghĩ ra một cách. Buổi tối, đến giờ đi ngủ, tất cả lũ kiến con đều lên giường nằm trên những chiếc đệm xinh xinh. Kiến Mẹ đến thơm vào má chú kiến con nằm ở hàng đầu tiên. Sau khi được mẹ thơm, chú kiến này bèn quay sang thơm vào má kiến con bên cạnh và thầm thì:

- Mẹ gửi một cái hôn cho em đấy!

II. Tập làm văn (5 điểm - 30 phút)

Hãy viết đoạn văn (từ 7-10 câu) kể về tình cảm của một người trong gia đình đối với em.



HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KTĐK MÔN TIẾNG VIỆT 3
CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2016 – 2017

A. PHẦN ĐỌC

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

- Giáo viên kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh.
- Nội dung kiểm tra: Học sinh đọc một đoạn văn khoảng 60 chữ. Sau đó trả lời một câu hỏi về nội dung bài học do giáo viên nêu ra.

Chú ý: Tránh trường hợp 2 học sinh kiểm tra liên tiếp đọc một đoạn giống nhau.

*** Đánh giá:**

Đọc đúng tiếng, đúng từ: 2,5 điểm

- Đọc sai dưới 1 ⇨ 2 tiếng: 2 điểm.
- Đọc sai từ 3 ⇨ 5 tiếng : 1,5 điểm.
- Đọc sai 6 ⇨ 7 tiếng : 1 điểm.
- Đọc sai từ 7 ⇨ 10 tiếng : 0,5 điểm.
- Đọc sai trên 10 tiếng : 0 điểm.

Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu: 1 điểm

- Không ngắt nghỉ hơi đúng ở 1 đến 3 dấu câu: 0,5 điểm.
- Không ngắt nghỉ hơi đúng ở 3 dấu câu trở lên: 0 điểm

Tốc độ đọc đạt yêu cầu không quá 1 phút: 1 điểm

- Đọc trên 1,5 phút : 0,5 điểm.
- Đọc từ 1,5 ⇨ 2 phút : 0 điểm

Biết đọc diễn cảm: 0,5 điểm

- Đọc bài với giọng phù hợp từng đoạn, từng nhân vật: 0,25 điểm
- Nhấn các từ gợi tả, gợi cảm trong bài: 0,25 điểm

Trả lời đúng ý câu hỏi do giáo viên nêu: 1 điểm

- Trả lời chưa đủ ý hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: 0,5 điểm
- Không trả lời được hoặc trả lời sai: 0 điểm

II. Đọc hiểu (4 điểm) :

Gợi ý đánh giá, cho điểm (đọc thầm và làm bài tập trắc nghiệm)

Bài	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	B	A	B	A	C	...
Điểm	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ	0,5 đ

- Câu 8: HS đặt đúng 1 câu có hình ảnh so sánh như yêu cầu được 0,5 điểm (đầu câu không viết hoa, cuối câu không có dấu chấm trừ 0,25đ)

B. PHẦN VIẾT- 10 điểm

I. Chính tả (5 điểm):

- Viết đúng cỡ chữ, đều nét, rõ ràng không sai lỗi chính tả, trình bày đúng đoạn văn : 5 điểm

- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh không viết hoa đúng qui định...) trừ 0,5 điểm. Lỗi sai giống nhau chỉ trừ 1 lần điểm.

- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao - khoảng cách - kiểu chữ hoặc trình bày bài bản trừ 1 điểm toàn bài chính tả (*Toàn bài trừ không quá 3 điểm*)

II. Tập làm văn (5 điểm):

Đảm bảo các yêu cầu sau được 5 điểm:

- Viết được đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài.

- Bài viết có cảm xúc, câu văn giàu hình ảnh, dùng từ đúng, hay, các câu có sự liên kết chặt chẽ, không sai ngữ pháp, không mắc lỗi chính tả.

- Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ.

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể cho các mức điểm: 4,5 ; 4 ; 3,5 ; 3 ; 2,5 ; 2 ; 1,5 ; 1 ; 0,5